



**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ –  
Thương mại Ngọc Nghĩa  
(trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa  
Ngọc Nghĩa)**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Thông tin về Công ty**

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Giám đốc Thương mại
	Bà Đào Thị Thuận	Giám đốc Cung ứng
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Giám đốc Tài chính
	Ông Lê Bá Cương	Giám đốc nhân sự
	Bà Đồng Thị Ngọc Triều	Kế toán trưởng

**Kết quả hoạt động và cổ tức**

Lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 66.500.887.025 VND (2010: 77.597.472.078 VND). Trong năm, Công ty không công bố cổ tức (2010: 8.922.220.000 VND cổ tức bằng cổ phiếu).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)**

**Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

**Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính**

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải:

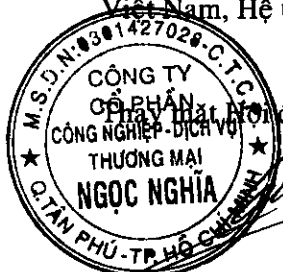
- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội Đồng Quản Trị xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Hội Đồng Quản Trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

**Phê duyệt báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.



Phạm Đạt, Hội đồng Quản trị:

La Văn Hoàng  
Chủ tịch

Ngày 5 tháng 3 năm 2012



**KPMG Limited**  
 10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
 115 Nguyen Hue Street  
 District 1, Ho Chi Minh City  
 The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
 Fax +84 (8) 3821 9267  
 Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

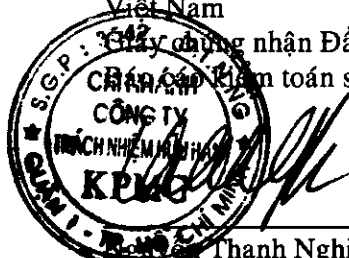
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan

**Công ty TNHH KPMG**  
 Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
 Chứng chỉ Kiểm toán số: 11-01-296



Thanh Nghị  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV  
 Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0436/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2012

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn	100		766.196.268.445	497.441.069.056
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.623.139.591	52.883.643.294
Đầu tư ngắn hạn	120	5	390.830.619.136	-
Phải thu ngắn hạn	130	6	269.557.141.064	339.823.433.268
Phải thu khách hàng	131		219.243.914.194	185.322.558.153
Trả trước cho người bán	132		1.008.432.020	27.933.938.491
Các khoản phải thu khác	135		49.304.794.850	126.566.936.624
Hàng tồn kho	140	7	79.388.592.734	97.781.318.936
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.796.775.920	6.952.673.558
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.504.882.340	6.437.695.208
Tài sản ngắn hạn khác	158		291.893.580	514.978.350
Tài sản dài hạn	200		905.686.203.395	954.867.825.855
Phải thu dài hạn	210		10.162.277.500	8.084.801.381
Tài sản cố định	220		565.427.533.267	622.964.930.947
Tài sản cố định hữu hình	221	8	225.958.089.776	203.006.458.910
Nguyên giá	222		488.769.295.152	422.700.880.331
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.811.205.376)	(219.694.421.421)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	111.663.456.836	152.213.535.504
Nguyên giá	225		143.044.979.305	184.141.295.577
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(31.381.522.469)	(31.927.760.073)
Tài sản cố định vô hình	227	10	220.525.317.168	220.694.653.840
Nguyên giá	228		225.221.754.638	224.642.716.916
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.696.437.470)	(3.948.063.076)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	7.280.669.487	47.050.282.693
Đầu tư dài hạn	250		327.685.724.000	321.716.343.136
Đầu tư vào công ty con	251	12	327.685.724.000	321.716.343.136
Tài sản dài hạn khác	260		2.410.668.628	2.101.750.391
Chi phí trả trước dài hạn	261		525.000.000	750.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.885.668.628	1.351.750.391
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.671.882.471.840</b>	<b>1.452.308.894.911</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

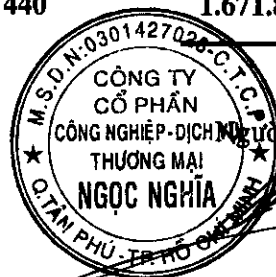
**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>711.801.882.046</b>	<b>494.466.995.856</b>
Vay ngắn hạn	311	14	562.887.616.656	422.311.470.680
Phải trả người bán	312	15	92.754.565.746	41.021.570.610
Người mua trả tiền trước	313		2.958.215.568	1.185.001.107
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	11.657.356.661	11.359.386.161
Phải trả nhân viên	315		46.586.148	78.384.005
Chi phí phải trả	316	17	14.760.821.509	11.993.478.594
Các khoản phải trả khác	319	18	24.749.332.906	2.459.521.847
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.987.386.852	4.058.182.852
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>163.174.579.602</b>	<b>353.330.255.888</b>
Phải trả dài hạn khác	333		-	30.077.119.502
Vay và nợ dài hạn	334	19	163.174.579.602	321.683.526.136
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		-	1.569.610.250
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>796.906.010.192</b>	<b>604.511.643.167</b>
Vốn cổ phần	411	20	522.500.000.000	396.606.520.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(780.000)	(780.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	10.973.114.162	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	21	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		216.341.172.181	149.840.285.156
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>				
	<b>440</b>		<b>1.671.882.471.840</b>	<b>1.452.308.894.911</b>

Người lập:



**Đồng Thị Ngọc Triều**  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



**La Văn Hoàng**  
Tổng Giám đốc

ngày 5 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	22	1.728.586.871.322	1.175.859.158.539
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	(6.743.346.104)	(624.842.017)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>1.721.843.525.218</b>	<b>1.175.234.316.522</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	(1.482.237.758.513)	(926.795.659.013)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>239.605.766.705</b>	<b>248.438.657.509</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	46.158.074.874	5.556.752.764
Chi phí tài chính	22	25	(131.491.432.318)	(74.817.939.772)
Chi phí bán hàng	24		(35.258.240.121)	(36.497.195.653)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(44.838.455.795)	(43.212.902.893)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>74.175.713.345</b>	<b>99.467.371.955</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	26	46.689.365.140	30.567.984.621
Chi phí khác	32	27	(37.980.968.037)	(29.361.793.602)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>82.884.110.448</b>	<b>100.673.562.974</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	28	(16.917.141.660)	(23.676.914.748)
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>28</b>	<b>533.918.237</b>	<b>600.823.852</b>
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>60</b>		<b>66.500.887.025</b>	<b>77.597.472.078</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>			<b>1.294</b>	<b>2.041</b>

Người lập:



**Đồng Thị Ngọc Triều**  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



**La Văn Hoàng**  
Tổng Giám đốc

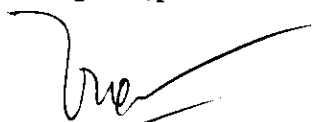
ngày 5 tháng 3 năm 2012

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	371.077.780.000	46.900.000.000	-	1.014.319.564	192.503.849	95.107.345.515	514.291.948.928
Vốn cổ phần đã phát hành	16.606.520.000	-	-	-	-	-	16.606.520.000
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(780.000)	-	-	-	(780.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	77.597.472.078	77.597.472.078
Trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.983.517.839)	(3.983.517.839)
Trích vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	9.958.794.598	-	(9.958.794.598)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	8.922.220.000	-	-	-	-	(8.922.220.000)	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	396.606.520.000	46.900.000.000	(780.000)	10.973.114.162	192.503.849	149.840.285.156	604.511.643.167
Vốn cổ phần đã phát hành	125.893.480.000	-	-	-	-	-	125.893.480.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	66.500.887.025	66.500.887.025
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	10.973.114.162	192.503.849	216.341.172.181	796.906.010.192

Người lập:



**Đồng Thị Ngọc Triều**  
Kế toán trưởng

ngày 5 tháng 3 năm 2012



Người duyệt:



**La Văn Hoàng**  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2011 VND</b>	<b>2010 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>82.884.110.448</b>	<b>100.673.562.974</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		53.853.097.885	48.776.453.019
Các khoản dự phòng	03		179.046.000	1.555.859.718
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		1.536.954.924	3.018.891.366
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(51.635.491.347)	(3.385.037.489)
Chi phí lãi vay	06		122.759.466.011	65.995.068.889
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>209.577.183.921</b>	<b>216.634.798.477</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		39.395.902.806	(155.910.446.555)
Biến động hàng tồn kho	10		18.392.726.202	(39.944.519.781)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		45.786.537.660	(14.485.523.599)
			<b>313.152.350.589</b>	<b>6.294.308.542</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(120.739.086.680)	(64.886.041.116)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.387.132.189)	(20.067.598.844)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	30.077.119.502
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.403.962.000)	(309.725.950)
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>172.622.169.720</b>	<b>(48.891.937.866)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**


	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2011 VND</b>	<b>2010 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(32.784.061.635)	(65.105.222.778)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		44.170.408.963	27.902.633.747
Tiền hoàn trả từ đầu tư tiền gửi có kỳ hạn			-	2.000.000.000
Tiền cho các công ty con vay			(392.500.000.000)	-
Tiền thu hồi các khoản cho các công ty con vay			70.100.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		-	(204.145.356.247)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		2.511.511.728	3.301.433.267
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(308.502.140.944)</b>	<b>(236.046.512.011)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		125.893.480.000	16.606.520.000
Chi trả cổ phiếu ngân quỹ	32		-	(780.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.431.786.302.388	1.097.300.705.427
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.416.922.898.577)	(794.204.447.791)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(34.137.416.290)	(59.596.518.322)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>106.619.467.521</b>	<b>260.105.479.314</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(29.260.503.703)</b>	<b>(24.832.970.563)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>52.883.643.294</b>	<b>77.716.613.857</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>23.623.139.591</b>	<b>52.883.643.294</b>


**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

**CÁC GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản cố định hữu hình mua bằng cho thuê tài chính	-	30.665.648.053
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	8.922.220.000
Góp vốn vào công ty con bằng tài sản cố định	-	39.550.986.889
Chuyển các khoản đầu tư khác vào đầu tư vào công ty con	5.969.380.864	-
Chuyển các khoản phải thu khác vào đầu tư ngắn hạn	68.430.619.136	-

Người lập:  **Đồng Thị Ngọc Triều**  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:  **La Văn Hoàng**  
*Tổng Giám đốc*



ngày 5 tháng 3 năm 2012

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 541 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 898 nhân viên).

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó hợp nhất các báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

**(b) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính**

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210 không bao gồm các số liệu so sánh do việc áp dụng là phi hồi tố.

**(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Toàn bộ các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

**(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(f) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu Công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

**(j) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu tính tại thời điểm bắt đầu thuê trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i).

**(k) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(q) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết.

**(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

**(a) Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty hoạt động trong một hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

**(b) Báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý**

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.637.205.273.876	1.135.163.308.261	84.638.251.342	40.071.008.261	1.721.843.525.218	1.175.234.316.522
Tài sản bộ phận	1.671.882.471.840	1.452.308.894.911	-	-	1.671.882.471.840	1.452.308.894.911
Chi tiêu vốn	32.784.061.635	65.105.222.778	-	-	32.784.061.635	65.105.222.778

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	112.774.932	300.177.828
Tiền gửi ngân hàng	21.550.364.659	52.583.465.466
Các khoản tương đương tiền	1.960.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>23.623.139.591</b>	<b>52.883.643.294</b>
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 5.380 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.730 triệu VND).

**5. Đầu tư ngắn hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cho các công ty con vay	390.830.619.136	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản cho các công ty con vay không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 17% đến 20%.

Giá trị ghi sổ của các khoản cho công ty con vay tương đương giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

**6. Phải thu ngắn hạn**

Trong phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu các bên liên quan sau:

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu từ các công ty liên quan</b>		
Thương mại	90.468.191.072	52.560.075.346
	<hr/>	<hr/>

Khoản thương mại phải thu từ công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu tương đương giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

Các khoản phải thu khác gồm:

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho các công ty con	-	119.387.219.636
Thu nhập tiền lãi phải thu từ các công ty con	41.646.932.086	-
Phải thu khác	7.657.862.764	7.179.716.988
	<hr/>	<hr/>
	49.304.794.850	126.566.936.624
	<hr/>	<hr/>

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa từ các khoản phải thu.

Ban Giám đốc xây dựng chính sách tín dụng theo đó các khách hàng mới được tiến hành phân tích về khả năng tín dụng và điều kiện về vốn trước khi các điều kiện và điều khoản thanh toán chuẩn và giao nhận được thiết lập. Công ty lập khoản dự phòng tổn thất phản ánh ước tính về lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác. Phần chính của khoản dự phòng này là các phần lỗ cụ thể cho từng khoản phải thu cụ thể.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Gộp</b>	<b>Dự phòng phải thu</b>
	<b>31/12/2011</b>	<b>khó đòi</b>
	<b>VND</b>	<b>31/12/2011</b>
		<b>VND</b>
Trong hạn	242.155.179.761	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	16.623.444.108	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	7.127.503.217	-
Quá hạn từ 180 ngày trở lên	2.642.581.958	-
	<hr/>	<hr/>
	268.548.709.044	-
	<hr/>	<hr/>

## **7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	28.345.389.444	18.680.711.778
Nguyên vật liệu	30.263.036.178	52.526.861.626
Công cụ và dụng cụ	2.446.330.448	5.450.630.388
Sản phẩm dở dang	4.640.049.074	1.858.760.082
Thành phẩm	13.255.035.415	17.598.265.568
Hàng hóa	438.752.175	1.666.089.494
	<hr/>	<hr/>
	79.388.592.734	97.781.318.936
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	27.094.421.906	4.203.148.620	380.472.984.251	10.930.325.554	422.700.880.331
Tăng trong năm	268.918.547	1.930.181.937	23.917.329.358	2.248.837.994	28.365.267.836
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	40.595.991.874	500.324.398	41.096.316.272
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.721.918.935	1.584.952.613	39.169.319.686	-	43.476.191.234
Thanh lý	(350.670.776)	(95.347.275)	(43.345.143.475)	(3.078.198.995)	(46.869.360.521)
Phân loại lại	79.000.000	1.090.984.503	(2.178.699.650)	1.008.715.147	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.813.588.612</b>	<b>8.713.920.398</b>	<b>438.631.782.044</b>	<b>11.610.004.098</b>	<b>488.769.295.152</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8.358.102.782	1.544.983.220	204.252.896.811	5.538.438.608	219.694.421.421
Khấu hao trong năm	1.502.030.379	1.298.335.083	32.869.632.716	1.674.069.476	37.344.067.654
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	15.776.728.886	171.986.506	15.948.715.392
Thanh lý	(23.378.052)	(68.998.568)	(8.553.205.015)	(1.530.417.456)	(10.175.999.091)
Phân loại lại	-	393.667.314	-	(393.667.314)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.836.755.109</b>	<b>3.167.987.049</b>	<b>244.346.053.398</b>	<b>5.460.409.820</b>	<b>262.811.205.376</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	18.736.319.124	2.658.165.400	176.220.087.440	5.391.886.946	203.006.458.910
Số dư cuối năm	19.976.833.503	5.545.933.349	194.285.728.646	6.149.594.278	225.958.089.776

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 31.057 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 30.989 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 243.335 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 77.412 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	179.119.536.279	5.021.759.298	184.141.295.577
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(40.595.991.874)	(500.324.398)	(41.096.316.272)
Phân loại lại	(392.469.000)	392.469.000	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>138.131.075.405</b>	<b>4.913.903.900</b>	<b>143.044.979.305</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	30.556.283.617	1.371.476.456	31.927.760.073
Khấu hao trong năm	14.634.411.495	768.066.293	15.402.477.788
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.776.728.886)	(171.986.506)	(15.948.715.392)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.413.966.226</b>	<b>1.967.556.243</b>	<b>31.381.522.469</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	148.563.252.662	3.650.282.842	152.213.535.504
Số dư cuối năm	108.717.109.179	2.946.347.657	111.663.456.836

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê. Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	223.404.476.649	1.238.240.267	224.642.716.916
Tăng trong năm	-	361.907.771	361.907.771
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	350.308.000	350.308.000
Xóa sổ	(133.178.049)	-	(133.178.049)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>223.271.298.600</b>	<b>1.950.456.038</b>	<b>225.221.754.638</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.651.581.051	296.482.025	3.948.063.076
Khấu hao trong năm	547.891.560	333.660.883	881.552.443
Xóa sổ	(133.178.049)	-	(133.178.049)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.066.294.562</b>	<b>630.142.908</b>	<b>4.696.437.470</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	219.752.895.598	941.758.242	220.694.653.840
Số dư cuối năm	219.205.004.038	1.320.313.130	220.525.317.168

Trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 10.236 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: không) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2011 VND</b>	<b>2010 VND</b>
Số dư đầu năm	47.050.282.693	58.721.970.221
Tăng trong năm	4.056.886.028	49.049.608.155
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.476.191.234)	(60.271.833.074)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	(449.462.609)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(350.308.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.280.669.487</b>	<b>47.050.282.693</b>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**12. Đầu tư vào công ty con**

	<b>% sở hữu</b>	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>31/12/2010 VND</b>
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	95%	52.280.000.000	95%	52.280.000.000
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	98%	78.400.000.000	98%	78.400.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	90%	81.000.000.000	90%	75.030.619.136
Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam	99%	116.005.724.000	99%	116.005.724.000
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	79%	-	79%	-
		<b>327.685.724.000</b>		<b>321.716.343.136</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á**

Giấy phép đầu tư số 4503000074 ngày 25 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất, kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm.

**Công ty Cổ phần PET Quốc tế**

Giấy phép đầu tư số 4103006864 ngày 8 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm từ nhựa, buôn bán nguyên liệu hóa chất và các sản phẩm từ nhựa, các loại phụ tùng, khuôn mẫu và thiết bị công nghiệp.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú**

Giấy phép đầu tư số 3400811368 ngày 20 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất thủy sản, sữa và các sản phẩm liên quan, nước uống không cồn; sản xuất các sản phẩm nhựa.

**Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam**

Giấy phép đầu tư số 0301466108 ngày 7 tháng 7 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các bao bì nhựa.

**Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế**

Giấy phép đầu tư số 3901021836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2011. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm bằng nhựa và kim loại. Công ty sở hữu gián tiếp công ty con này.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với: Chi phí phải trả	1.885.668.628	1.351.750.391

**14. Vay ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	518.612.112.419	376.205.574.621
Vay và nợ dài hạn đến hạn phải trả (thuyết minh 19)	44.275.504.237	46.105.896.059
	<u>562.887.616.656</u>	<u>422.311.470.680</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vietcombank	VND	16%-18,5%	375.451.105.642	197.955.125.581
Vietcombank	USD	6,0%	13.059.156.000	-
ANZ	VND	16,0%-17,5%	32.700.129.000	44.031.487.500
HSBC	VND	15,0%-18,0%	67.318.142.224	89.658.229.624
HSBC	USD	6,0%	17.540.223.553	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	10,5%	-	42.609.943.981
Ngân hàng Bảo Việt	VND	19,0%-20,0%	12.543.356.000	-
Một công ty liên quan	VND	12,0%	-	1.950.787.935
			<u>518.612.112.419</u>	<u>376.205.574.621</u>

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 166.900 triệu VND và 10.236 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: không).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**15. Phải trả người bán**

Trong phải trả thương mại có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả các công ty liên quan	51.795.184.515	10.921.625.212

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	4.230.248.675	3.639.909.704
Thuế nhập khẩu	67.576.446	6.331.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.990.587.571	7.460.578.100
Thuế thu nhập cá nhân	368.943.969	252.566.360
	<b>11.657.356.661</b>	<b>11.359.386.161</b>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	10.351.629.331	8.331.250.000
Lương và thưởng	3.933.114.000	3.255.802.834
Chi phí khác	476.078.178	406.425.760
	<b>14.760.821.509</b>	<b>11.993.478.594</b>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**18. Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay không có đảm bảo và không chịu lãi suất từ một công ty con	20.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	4.749.332.906	2.459.521.847
	<hr/>	<hr/>
	<b>24.749.332.906</b>	<b>2.459.521.847</b>
	<hr/>	<hr/>

**19. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (a)	51.935.975.586	64.354.269.556
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn (b)	100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ thuê tài chính (c)	55.514.108.253	88.439.102.030
Nợ dài hạn khác	-	114.996.050.609
	<hr/>	<hr/>
	<b>207.450.083.839</b>	<b>367.789.422.195</b>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 14)	(44.275.504.237)	(46.105.896.059)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	<b>163.174.579.602</b>	<b>321.683.526.136</b>
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn, trái phiếu và nợ thuê tài chính hiện còn số dư như sau:

**(a) Vay dài hạn**

	Loại tiền tệ	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Indovina	USD	7,5%	2013	4.668.359.386	7.072.287.711
Ngân hàng An Bình	VND	11,0%	2013	262.500.000	420.000.000
Ngân hàng An Bình	VND	20,0%	2014	14.233.270.000	19.113.310.000
Ngân hàng Tiên Phong	VND	16,6%	2011	-	526.811.790
Ngân hàng Tiên Phong	VND	16,6%	2011	-	23.413.855
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2014	4.212.489.400	5.616.089.400
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2014	7.265.631.800	9.687.631.800
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2014	1.701.000.000	2.268.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2014	102.725.000	136.725.000
Ngân hàng HSBC	VND	19,7%	2015	19.490.000.000	19.490.000.000
				<b>51.935.975.586</b>	<b>64.354.269.556</b>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ 76.435 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: tài sản cố định hữu hình là 77.412 triệu VND và quyền sử dụng đất là 6.069 triệu VND).

**(b) Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn**

	Loại tiền tệ	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đợt 1 (i)	VND	15,5%-18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
Đợt 2(ii)	VND	15,3%-18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
				<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

- i. Trái phiếu công ty không được đảm bảo và không có quyền chuyển đổi có mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2009. Các trái phiếu chịu lãi suất năm 13% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai trở đi, lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VBARD và Vietinbank) cộng 4%. Các trái phiếu sẽ được hoàn trả hết vào ngày 20 tháng 5 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2011, lãi suất năm là 15,5% và 18% từ tháng 7 năm 2011.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

- ii. Trái phiếu công ty không được đảm bảo và không có quyền chuyển đổi có mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 1 tháng 7 năm 2009. Các trái phiếu chịu lãi suất năm 13% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai trở đi, lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VIB và Vietinbank) cộng 4%. Các trái phiếu sẽ được hoàn trả hết vào ngày 1 tháng 7 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2011, lãi suất năm là 15,3% và 18% từ tháng 7 năm 2011.

**(c) Nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu đối với hợp đồng phải trả trong tương lai:

	<b>31/12/2011</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Trả tiền lãi thuê</b>	<b>Trả nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	33.754.520.567	6.927.859.402	26.826.661.165
Từ hai đến năm năm	33.515.756.643	4.828.309.555	28.687.447.088
	<b>67.270.277.210</b>	<b>11.756.168.957</b>	<b>55.514.108.253</b>
	<b>31/12/2010</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Trả tiền lãi thuê</b>	<b>Trả nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	42.196.704.635	8.578.041.028	33.618.663.607
Từ hai đến năm năm	64.064.351.865	9.243.913.442	54.820.438.423
	<b>106.261.056.500</b>	<b>17.821.954.470</b>	<b>88.439.102.030</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 13.319 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 25.579 triệu VND).

Các khoản vay chịu lãi suất biến đổi khiến Công ty chịu rủi ro biến động dòng tiền trong khi các khoản vay với lãi suất cố định khiến Công ty chịu rủi ro biến động giá trị hợp lý do biến động lãi suất.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất thuần bằng cách duy trì các dòng tín dụng hiệu quả để đạt được chi phí cho vay hợp lý và bằng cách liên tục giám sát các rủi ro đó.

Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến để đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ lượng tiền và các khoản cam kết tín dụng thích hợp từ các ngân hàng kết để đáp ứng nhu cầu thanh khoản ngắn và dài hạn.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>
Phải trả thương mại và phải trả khác	132.311.306.309	132.311.306.309	132.311.306.309	-	-
Vay ngắn hạn	518.612.112.419	543.315.193.195	543.315.193.195	-	-
Vay dài hạn	51.935.975.586	68.163.940.455	25.783.237.039	21.051.270.287	21.329.433.129
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	144.575.000.000	18.300.000.000	18.250.000.000	108.025.000.000
Nợ thuê tài chính	55.514.108.253	67.270.277.210	33.754.520.567	21.877.088.920	11.638.667.723
	<b>858.373.502.567</b>	<b>955.635.717.169</b>	<b>753.464.257.110</b>	<b>61.178.359.207</b>	<b>140.993.100.852</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm, lợi nhuận thuần của Công ty sẽ giảm 2.122 triệu VND.

Giá trị ghi sổ của nợ dài hạn tương đương giá trị hợp lý của chúng dựa trên lãi suất hiện hành đối với các khoản nợ dài hạn khác có kỳ hạn và thời gian đáo hạn tương tự.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	52.250.000	522.500.000.000	38.000.000	380.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	39.660.652	396.606.520.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(78)	(780.000)	(78)	(780.000)
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	52.249.922	522.499.220.000	39.660.574	396.605.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	39.660.574	396.605.740.000	37.107.778	371.077.780.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	892.222	8.922.220.000
Cổ phiếu phát hành	12.589.348	125.893.480.000	1.660.652	16.606.520.000
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(78)	(780.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.249.922</b>	<b>522.499.220.000</b>	<b>39.660.574</b>	<b>396.605.740.000</b>

Công ty đã quyết định phát hành 14.250.000 cổ phiếu theo mệnh giá, được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận phát hành theo công văn số 751/UBCK-GCN ngày 2 tháng 12 năm 2010. Thời gian phát hành là 90 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận. Tính đến ngày 28 tháng 2 năm 2011, 14.250.000 cổ phiếu đã được phát hành hết, trong đó, Ông La Văn Hoàng nhận được 4.365.044 cổ phiếu và các cổ đông khác nhận được 9.884.956 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	30,14%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	18,57%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	18,26%
Red River Holding	5.637.874	10,74%
Cổ đông khác	11.455.766	22,29%
	<hr/>	
	52.249.922	100%
	<hr/>	

## 21. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

### (i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

### (ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội Đồng Quản Trị Công ty.

## 22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
Hàng hóa đã bán	1.711.987.342.521	1.163.810.189.838
Cung cấp dịch vụ	16.599.528.801	12.048.968.701
	<hr/>	
	1.728.586.871.322	1.175.859.158.539
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(6.743.346.104)	(624.842.017)
	<hr/>	
Doanh thu thuần	1.721.843.525.218	1.175.234.316.522
	<hr/>	



**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	1.008.633.960.083	637.560.052.991
Hàng hóa đã bán	452.116.186.200	279.242.247.590
Dịch vụ đã cung cấp	21.487.612.230	9.993.358.432
	<hr/>	<hr/>
	1.482.237.758.513	926.795.659.013
	<hr/>	<hr/>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	44.158.443.814	303.637.941
Cổ tức	-	2.997.795.326
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.682.849.080	1.863.679.755
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	313.637.136	391.639.742
Doanh thu khác	3.144.844	-
	<hr/>	<hr/>
	46.158.074.874	5.556.752.764
	<hr/>	<hr/>

**25. Chi phí tài chính**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	122.759.466.011	65.995.068.889
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.821.374.247	5.412.339.775
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.850.592.060	3.410.531.108
Chi phí khác	60.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	131.491.432.318	74.817.939.772
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**26. Doanh thu khác**

	<b>2011</b> <b>VND</b>	<b>2010</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	44.170.408.963	27.902.633.747
Doanh thu khác	2.518.956.177	2.665.350.874
	<hr/>	<hr/>
	46.689.365.140	30.567.984.621
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí khác**

	<b>2011</b> <b>VND</b>	<b>2010</b> <b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	36.693.361.430	27.743.977.084
Chi phí khác	1.287.606.607	1.617.816.518
	<hr/>	<hr/>
	37.980.968.037	29.361.793.602
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	16.917.141.660	16.708.248.695
Thuế thu nhập phải nộp những năm trước	-	6.968.666.053
	<hr/> 16.917.141.660	<hr/> 23.676.914.748
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(533.918.237)	(600.823.852)
	<hr/> 16.383.223.423	<hr/> 23.076.090.896

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	82.884.110.448	100.673.562.974
Thuế theo thuế suất Công ty	20.721.027.612	15.101.034.446
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác	(4.961.714.365)	529.038.631
Chi phí không được khấu trừ thuế	623.910.176	477.351.766
Thuế thu nhập phải nộp những năm trước	-	6.968.666.053
	<hr/> 16.383.223.423	<hr/> 23.076.090.896

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ đối với các hoạt động tại nhà máy của Công ty ở huyện Củ Chi chịu thuế 15%.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông	66.500.887.025	77.597.472.078

**(ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	39.660.574	37.107.778
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại	-	(65)
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu	-	892.222
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông đã phát hành	11.712.208	17.327
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	51.372.782	38.017.262

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có các cổ phần có tác động suy giảm tiềm ẩn.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2011 VND</b>	<b>2010 VND</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	Góp vốn	-	10.000.000.000
	Cho vay	103.200.000.000	76.000.000.000
	Mua hàng hóa	121.613.670	507.789.165
	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.579.652.639	-
	Thu nhập lãi vay	16.698.853.054	-
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Góp vốn	-	64.000.000.000
	Vay	148.694.989.700	76.000.000.000
	Ký quỹ	30.000.000.000	30.000.000.000
	Bán hàng hóa và dịch vụ	386.500.713.514	91.214.523.677
	Mua hàng hóa	555.217.431.181	263.290.178.747
	Thuê tài sản cố định hữu hình	2.240.000.000	-
	Cho vay	16.000.000.000	-
	Mua tài sản cố định hữu hình	20.574.835.723	-
	Thanh lý tài sản cố định hữu hình và công cụ và dụng cụ	152.551.430	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Góp vốn	5.969.380.864	58.830.619.136
	Cho vay	273.300.000.000	98.100.000.000
	Hoa hồng đại lý	10.080.004.162	6.974.629.714
	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.427.547.610	-
	Thanh lý công cụ và dụng cụ	2.146.085.208	-
	Thu nhập lãi vay	26.320.745.699	-
	-	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Góp vốn	-	116.005.724.000
	Cổ tức thu được	-	2.996.885.456
	Vay	-	1.950.787.935
	Bán hàng hóa và dịch vụ	106.858.313.268	69.091.291.817
	Mua hàng hóa	68.595.629.823	67.758.709.486
	Thanh lý phế liệu, công cụ và dụng cụ	1.446.218.548	-
	Thanh lý tài sản cố định	13.113.818.351	-
	Thuê tài sản cố định hữu hình	1.500.233.850	-
	Ký quỹ	5.500.000.000	-
Thành viên Ban Giám Đốc và Hội Đồng Quản Trị	Lương và thưởng	7.440.600.000	8.242.671.539

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**31. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	<b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	256.386
Phải thu khách hàng	132.723
Phải trả người bán	(110.793)
Vay và nợ ngắn hạn	(1.469.146)
Vay và nợ dài hạn	(863.602)
	<hr/>
	(2.054.432)
	<hr/>

Tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20.828 VND trên 1 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 18.932 VND trên 1 USD).

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:



	<b>Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần tại 31/12/2011</b>
USD (mạnh thêm 10%)	(3.209.228.227)
	<hr/>


Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	782.215.596.566	615.697.896.658
Chi phí nhân công và nhân viên	77.660.063.096	52.175.373.253
Chi phí khấu hao và phân bổ	53.853.097.885	48.776.453.019
Chi phí khác	71.384.947.605	87.045.817.199

Người lập:  Người duyệt: 



Đông Thị Ngọc Triều  
Kế toán trưởng

La Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

ngày 5 tháng 3 năm 2012